

LỊCH TRỰC TUẦN 15

| Từ ngày         |          | 7      | tháng | 4      | năm | 2025  | đến | ngày   | 13 | tháng  | 4  | năm   | 2025 |       |    |
|-----------------|----------|--------|-------|--------|-----|-------|-----|--------|----|--------|----|-------|------|-------|----|
| Thứ,            | Ngày     | HAI    | 7     | BA     | 8   | TU    | 9   | NĂM    | 10 | SÁU    | 11 | BẢY   | 12   | CN    | 13 |
| LÃNH ĐẠO        |          | DIỆU   |       | H QUÂN |     | ĐANG  |     | PHƯƠNG |    | H QUÂN |    | ĐANG  |      | DIỆU  |    |
| CC - HSTC & CD  | BS1 (n)  | LINH   |       | AN     |     | ĐOAN  |     | LINH   |    | LINH   |    | ĐOAN  |      | HÀI   |    |
|                 | BS1 (đ)  | LINH   |       | HÀI    |     | AN    |     | ĐOAN   |    | HÀI    |    | AN    |      | ĐOAN  |    |
|                 | BS2 (n)  | DUNG   |       | TUỞNG  |     | THÀNH |     | DUNG   |    | TUỞNG  |    | THÀNH |      | DUNG  |    |
|                 | BS2 (đ)  | DUNG   |       | DUNG   |     | TUỞNG |     | THÀNH  |    | DUNG   |    | TUỞNG |      | THÀNH |    |
|                 | ĐD1(n)   | NGHĨA  |       | PHÁT   |     | HẦY   |     | NGHĨA  |    | PHÁT   |    | HẦY   |      | NGHĨA |    |
|                 | ĐD2(n)   | CHI    |       | VẾT    |     | TRÂN  |     | TRÂN   |    | VẾT    |    | VẾT   |      | CHI   |    |
|                 | ĐD3(n)   | NGHỊ   |       | ĐOÀN   |     | CƯỜNG |     | NGHỊ   |    | ĐOÀN   |    | CƯỜNG |      | NGHỊ  |    |
|                 | ĐD4(n)   | TUẤN   |       | TRÀNG  |     | Ý     |     | TUẤN   |    | TRÀNG  |    | Ý     |      | TUẤN  |    |
|                 | ĐD1(đ)   | HẦY    |       | NGHĨA  |     | PHÁT  |     | HẦY    |    | NGHĨA  |    | PHÁT  |      | HẦY   |    |
|                 | ĐD2(đ)   | TRÂN   |       | CHI    |     | VẾT   |     | CHI    |    | TRÂN   |    | VẾT   |      | TRÂN  |    |
|                 | ĐD3(đ)   | CƯỜNG  |       | NGHỊ   |     | ĐOÀN  |     | CƯỜNG  |    | NGHỊ   |    | ĐOÀN  |      | CƯỜNG |    |
|                 | ĐD4(đ)   | Ý      |       | TUẤN   |     | TRÀNG |     | Ý      |    | TUẤN   |    | TRÀNG |      | Ý     |    |
|                 | HL       | LANH   |       | NHIÊN  |     | LANH  |     | NHIÊN  |    | LANH   |    | NHIÊN |      | LANH  |    |
| NỘI             | BS       | THƯỜNG |       | NINH   |     | NHƯ   |     | DUY    |    | THƯỜNG |    | NINH  |      | NHƯ   |    |
|                 | ĐD1      | NGÂN   |       | HIỀU   |     | THÍCH |     | LY     |    | NGÂN   |    | HIỀU  |      | CHUNG |    |
|                 | ĐD2      | LỘC    |       | PHỐI   |     | CHUNG |     | SANG   |    | PHỐI   |    | L.ANH |      | LỘC   |    |
|                 | ĐD3      | L.ANH  |       | CHÂM   |     | THƯ   |     | CÙNG   |    | CHÂM   |    | THƯ   |      | SANG  |    |
|                 | ĐD4      | TRÚC   |       | //     |     | //    |     | //     |    | //     |    | TRÚC  |      | CÙNG  |    |
| ĐƠN NGUYÊN THẬN | BS       | HUYỀN  |       | HUỞNG  |     | ĐẠT   |     | HUYỀN  |    | HUỞNG  |    | ĐẠT   |      | //    |    |
|                 | ĐD1      | PHONG  |       | THẢO   |     | PHONG |     | HUỆ    |    | PHONG  |    | HUỆ   |      | //    |    |
|                 | ĐD2      | HUE    |       | HỒ     |     | KHA   |     | HỒ     |    | THẢO   |    | KHA   |      | //    |    |
|                 | HL       | ÁNH    |       | //     |     | //    |     | //     |    | //     |    | ÁNH   |      |       |    |
| NHI             | BS       | PHƯƠNG |       | THÚY   |     | ĐA    |     | TOÀN   |    | PHƯƠNG |    | THÚY  |      | ĐA    |    |
|                 | ĐD1      | ÚT     |       | HỢP    |     | C.EM  |     | THA    |    | ÚT     |    | HỢP   |      | C.EM  |    |
|                 | ĐD2      | NI     |       | LINH   |     | LIỀN  |     | MÌNH   |    | NI     |    | LINH  |      | LIỀN  |    |
| NGOẠI - GMHS    | BS       | PHONG  |       | TRÍCH  |     | THỂ   |     | PHONG  |    | TRÍCH  |    | THỂ   |      | PHONG |    |
|                 | GM       | NHẪN   |       | GIANG  |     | HUYỀN |     | NHẪN   |    | GIANG  |    | HUYỀN |      | NHẪN  |    |
|                 | HS       | MINH   |       | NIÊN   |     | ĐANG  |     | MINH   |    | NIÊN   |    | ĐANG  |      | NIÊN  |    |
|                 | PM1      | HÂN    |       | CHIA   |     | ĐỎM   |     | HUYNH  |    | ĐỎM    |    | THƯ   |      | HUYNH |    |
|                 | PM2      | HUY    |       | HUYNH  |     | HUY   |     | THƯ    |    | CHIA   |    | HUY   |      | VINH  |    |
|                 | TL       | PHẢN   |       | THƯ    |     | PHẢN  |     | LỄ     |    | VINH   |    | NGÂN  |      | LỄ    |    |
|                 | CC-Ngoại | LỄ     |       | VINH   |     | NGÂN  |     | HÂN    |    | NHANH  |    | PHẢN  |      | CHIA  |    |
|                 | HL       | SEN    |       | QUYỀN  |     | SEN   |     | QUYỀN  |    | SEN    |    | QUYỀN |      | SEN   |    |
| CSSKSS & PS     | BS       | LUYẾN  |       | THÚY   |     | DIỄM  |     | LIỄU   |    | THÚY   |    | LUYẾN |      | DIỄM  |    |
|                 | CC - HS1 | HƯỜNG  |       | NHÂN   |     | THẠO  |     | LUYẾN  |    | NHÂN   |    | HƯỜNG |      | LUYẾN |    |
|                 | HS2      | TRÂN   |       | ĐÀO    |     | YẾN   |     | TRÂN   |    | ĐÀO    |    | YẾN   |      | TRÂN  |    |
|                 | HS3      | NHIÊN  |       | NGÂN   |     | VÂN   |     | NHIÊN  |    | NGÂN   |    | VÂN   |      | NHIÊN |    |
| XÉT NGHIỆM      | XN1      | TOÀN   |       | CHÂU   |     | BẰNG  |     | NGOAN  |    | TOÀN   |    | CHÂU  |      | ÚT    |    |
|                 | XN2      | DUY    |       | ÚT     |     | NỮ    |     | LY     |    | DUY    |    | BẰNG  |      | NỮ    |    |
| CDHA            | SẦ       | TÂN    |       | TRÂN   |     | LONG  |     | LINH   |    | TÂN    |    | TRÂN  |      | LONG  |    |
|                 | X-Q      | MẠNH   |       | THIỆN  |     | HÒN   |     | NIÊN   |    | MẠNH   |    | THIỆN |      | HÒN   |    |
| DUỢC            | DS       | ĐIỆP   |       | BẢO    |     | ĐẰNG  |     | XA     |    | HÀ     |    | ĐIỆP  |      | BẢO   |    |
| NHIỆM           | ĐD       | Ý      |       | NHƯ    |     | LẮM   |     | Ý      |    | NHƯ    |    | LẮM   |      | Ý     |    |

| Thứ,                   | Ngày   | HAI 7           | BA 8   | TU 9 | NĂM 10 | SÁU 11 | BẢY 12 | CN 13 |
|------------------------|--------|-----------------|--------|------|--------|--------|--------|-------|
| <b>LÃNH ĐẠO</b>        |        | DIỆU            | H QUÂN | ĐANG | PHƯƠNG | H QUÂN | ĐANG   | DIỆU  |
| <b>YHCT</b>            | YS     | XIÊU            | HẢI    | LANH | KIỆT   | XIÊU   | HẢI    | LANH  |
| <b>P. TC-KT</b>        | VP     | VÂN             | NHÂN   | THU  | VÂN    | NHÂN   | THU    | VÂN   |
|                        | TN(n)  | TÚ              | //     |      | //     | //     | NGỌC   | TÚ    |
| <b>Tiêm ngừa</b>       | SL(n)  | CỖ              | //     | //   | //     | //     | CHÁNH  | DIỀM  |
|                        | TN1(n) | VĨ              | //     | //   | //     | //     | LOAN   | CHÂU  |
|                        | TN2(n) | GỖN             | //     | //   | //     | //     | ĐUÔNG  | VĨ    |
| <b>P. TC-HC</b>        | BV1    | TÌNH            | TẠO    | DIỄN | ÚT     | HẢI    | TÌNH   | TẠO   |
|                        | BV2    | ÚT              | HẢI    | TÌNH | TẠO    | DIỄN   | ÚT     | HẢI   |
|                        | ĐN     | TRIỀU           | MẠNH   | HIỀN | TRIỀU  | MẠNH   | HIỀN   | TRIỀU |
|                        | CV1    | HY              | HUẤN   | KHỰ  | TUẦN   | HY     | HUẤN   | KHỰ   |
|                        | CV2    | KHỰ             | TUẦN   | HY   | HUẤN   | KHỰ    | TUẦN   | HY    |
| <b>Trưởng tua trực</b> |        | <b>BÁC SĨ 1</b> |        |      |        |        |        |       |

|                             |                      |              |     |              |     |              |     |
|-----------------------------|----------------------|--------------|-----|--------------|-----|--------------|-----|
| <b>Tham vấn chuyên khoa</b> | <b>Tên BS/CK</b>     | Tú           | Mắt | Cự           | TMH | Điện         | RHM |
|                             | <b>Số điện thoại</b> | 0943 111 107 |     | 0918 158 573 |     | 0947 332 339 |     |

- Ngoài giờ hành chính:  
+ BS trực Khoa Ngoại - GMHS phụ trách buồng tiểu phẫu tại Khoa Cấp Cứu - HSTC&CD  
+ BS trực khoa Cấp Cứu - HSTC&CD khám diễn biến Khoa YHCT , Khoa Truyền Nhiễm  
+ BS được mời vào tham vấn chuyên khoa được thanh toán tiền tăng giờ



GIÁM ĐỐC

BSCII. Trần Văn Sửa